

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày: 09/4/2018

*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Ník ÊBan.
2. Ông Nguyễn Thế Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: ông Hồ Xuân Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1985. Trú tại: thôn 4, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền: ông Trần Đức M, sinh năm 1984 (chồng bà H). Trú tại: thôn 4, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018 được Ủy ban nhân dân xã X chứng thực). Ông Trần Đức M đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án: có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H. Trú tại: thôn T, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: bà H có mặt, ông A vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 02/02/2016 đến ngày 11/01/2017, vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H có mua cám heo của vợ chồng tôi theo phương thức đầu tư thanh toán theo lúa heo. Thời gian này, ông A và bà H mua nhiều lần, mỗi lần mua đều nhận cám và ký sổ với tổng số lượng tính thành tiền là 149.615.000^d (một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng). Ông A và bà H đã trả cho vợ chồng tôi 02 đợt với tổng số tiền là 40.000.000^d (bốn mươi triệu đồng), cụ thể: ngày 23/01/2017 trả 30.000.000^d và ngày 14/3/2017 trả 10.000.000^d. Sau khi trả đợt 2 thì ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H ký xác nhận trong sổ đối với số tiền còn lại là 109.615.000^d, đồng thời bà H viết giấy nhận nợ số tiền 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng) thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, bắt đầu tính lãi từ ngày 14/3/2017, cam kết trả nợ vào ngày 15/6/2017. Mặc dù, sau khi đến hạn vợ chồng tôi rất nhiều lần yêu cầu nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H không trả được khoản tiền nào.

Vì vậy, yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng tôi số tiền 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng). Đối với tiền lãi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại bản tự khai ngày 09/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thừa nhận trong khoảng thời gian từ ngày 02/02/2016 đến ngày 11/01/2017, vợ chồng tôi có mua cám heo của bà Hoàng Thị Thu H, ông Trần Đức M với tổng số tiền 149.615.000^d (một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng). Vợ chồng tôi đã trả cho vợ chồng bà Hoàng Thị Thu H 02(hai) đợt với tổng số tiền 40.000.000^d (bốn mươi triệu đồng), cụ thể: đợt 1 ngày 23/01/2017 trả 30.000.000^d và đợt 2 ngày 14/3/2017 trả 10.000.000^d. Số tiền còn lại 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng), vợ chồng tôi ký xác nhận trong sổ của bà Hoàng Thị Thu H, đồng thời tôi có viết giấy nhận nợ thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng, bắt đầu tính lãi từ ngày 14/3/2017 và cam kết trả nợ vào ngày 15/6/2017. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên đến nay vợ chồng tôi chưa trả cho bà Hoàng Thị Thu H, ông Trần Đức M số tiền nào.

Như vậy, hiện nay vợ chồng tôi còn nợ bà Hoàng Thị Thu H, ông Trần Đức M số tiền 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng), nguyện vọng xin trả dần số tiền này.

-Tại bản tự khai ngày 04/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức M trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời khai của nguyên đơn bà Hoàng Thị Thu H về quá trình giao dịch mua bán cám đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn A,

bà Nguyễn Thị H là đúng sự thật. Hiện nay, vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H còn nợ vợ chồng tôi số tiền 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng). Nguyên vọng yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H phải trả cho vợ chồng tôi số tiền 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng). Đối với tiền lãi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với đồng bị đơn ông Nguyễn Văn A: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do.

Vì vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2 cho đồng bị đơn ông Nguyễn Văn A nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: các Điều 430, khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Hoàng Thị Thu H, ông Trần Đức M số tiền 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp:

- Xét giao dịch giữa bà Hoàng Thị Thu H, ông Trần Đức M và vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H về việc mua bán cám heo theo phương thức đầu tư thanh toán theo lứa heo, bên mua đã nhận đủ số lượng cám heo các lần nhưng chưa thanh toán tiền. Các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp đồng mua bán tài sản có hiệu lực nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên, do quá hạn trả nợ như cam kết nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H không thanh toán tiền nên bà Hoàng Thị Thu H khởi kiện và Tòa án thụ lý giải quyết “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” là phù hợp khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử, đồng bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được toà án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần 2, nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Như vậy, đương sự đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh trước tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đồng bị đơn ông

Nguyễn Văn A là có căn cứ phù hợp khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Căn cứ vào các tài liệu mà nguyên đơn cung cấp lưu hồ sơ vụ án về quá trình diễn biến việc mua bán cám heo, ký xác nhận chốt công nợ và ký giấy nhận nợ, được đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H thừa nhận chữ ký, ghi họ tên trong các tài liệu này là của họ, thể hiện: trong thời gian từ ngày 02/02/2016 đến ngày 11/01/2017, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị H có mua cám heo của bà Hoàng Thị Thu H, ông Trần Đức M với tổng số tiền 149.615.000^d (một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng). Ông A và bà H đã trả cho bà Hoàng Thị Thu H, ông Trần Đức M 02(hai) đợt với tổng số tiền 40.000.000^d (bốn mươi triệu đồng). Ngày 14/3/2017, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị H ký xác nhận số nợ còn lại và viết giấy nhận nợ cam kết trả số tiền còn lại là 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng) vào ngày 15/6/2017. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, đồng bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền 109.615.000^d là phù hợp với lời khai phía nguyên đơn. Do điều kiện khó khăn về kinh tế nên bị đơn bà H yêu cầu trả dần số nợ này nhưng không được phía nguyên đơn chấp nhận.

Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng) là phù hợp các Điều 430, khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận.

[2] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.480.750^d (năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn bảy trăm lăm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 430, khoản 1 Điều 440 Bộ

luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Hoàng Thị Thu H, ông Trần Đức M số tiền 109.615.000^d (một trăm lẻ chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đức M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.480.750^d (năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn bảy trăm lăm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Hoàng Thị Thu H số tiền 2.740.375^d (hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0003097 ngày 19/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Áp dụng Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả, kể từ khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

Căn cứ Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các bên có quyền thỏa thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Xuân Chiến

